

## PHONG TRÀO DUY TÂN Ở CHÂU Á KHÁT VỌNG CHUYỂN MÌNH HỘI LƯU THỜI ĐẠI

Nguyễn Văn Hồng<sup>(\*)</sup>

### I. Từ một cái nhìn xuyên dòng lịch sử

Để tài chúng tôi nghiên cứu là mạch phát triển chung của quá trình lịch sử “phong trào Duy tân cải cách” ở các nước châu Á. Tuy nhiên, để tổng quát nhìn nhận bản chất, chứng minh thông qua các sự kiện lịch sử nổi bật, chúng tôi sẽ chủ yếu thông qua các hiện tượng lịch sử của 4 nước điển hình: Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, nhưng những hiện tượng lịch sử, bản chất của các hiện tượng đó phát sinh, phát triển lại được định tính ở một phạm trù thời gian, không gian và chỉ phối bởi quy luật tiến hoá của phương thức sản xuất. Vì vậy, những sự kiện đang phát sinh ngày hôm nay cũng gợi ý cho chúng ta nhiều liên hệ nghiên cứu thú vị.

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở châu Á, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á vào năm 1997 như một cơn dịch bệnh lây lan cả khu vực, như có một mầm ủ bệnh chung trên những cơ thể kinh tế, xã hội có cấu trúc tương đồng. Sự tương đồng và mối liên quan lịch sử lại bắt đầu từ thời kì đầu của chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược và phá vỡ cấu trúc xã hội nông nghiệp truyền thống phương Đông từ thế kỷ XV. Các đế quốc phương Tây đã thông qua nhiều biện pháp đa chiều để hoàn thành một sứ

mạng lịch sử là “phá hoại xã hội cũ của châu Á” và “đặt cơ sở vật chất của xã hội phương Tây ở châu Á” [5]. Thực chất là cấy lên một mầm sống của xã hội kinh tế phương thức tư bản chủ nghĩa.

Thế giới bắt đầu từ thời kì chủ nghĩa tư bản xác lập, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và *tính xã hội hoá trong sản xuất như bản chất của quy luật sản xuất, nó tác động, chinh phục, biến đổi tất cả các xã hội nông nghiệp lạc hậu, tự cung, tự cấp, cô lập*. Như vậy, chúng ta đã được chứng kiến một nước lớn, một “đại đế” đã từng có lúc đạt đến đỉnh cao của thế giới, có sức mạnh tinh thần và vật chất chi phối, ảnh hưởng đến thế giới và khu vực một thời kì dài hàng ngàn năm như Trung Quốc thì cuối cùng cũng không thể ngạo mạn, bảo thủ. Các chí sĩ, quốc vương có tư tưởng Duy tân của các quốc gia như Minh Trị, Fukuzawa Yukichi (Nhật Bản), Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu (Trung Quốc), Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch (Việt Nam), Chulalongkorn (Thái Lan) v.v... đã nhận ra con đường cải cách, chuyển mình phát triển, hội lưu vào dòng chảy của thế giới. Dù còn bao hạn chế về tầm nhìn, về hiểu biết, họ cũng nhận ra về bài học thua kém trong cuộc đọ sức vũ lực. Họ nhận ra “tàu Tây, súng Tây” mạnh hơn; kỹ thuật của người “Đương di” tiến bộ hơn. Các võ sĩ đạo từng xem danh dự của thanh gươm Samurai cao hơn mạng sống

<sup>(\*)</sup> PGS. Khoa Đông phương, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

cũng buộc phải vì sự sống còn của dân tộc mà dút thanh gươm xanh ánh thép vào vỏ, cầu học kỹ thuật Âu - Mỹ để rồi sau mấy chục năm mới tuốt gươm ra, cùng độ cao thấp, giành giật thị trường. Nhà Đại Thanh Trung Quốc dù cao ngạo cũng phải nhận ra sự thua kém “Dương di” của mình về kỹ thuật và chấp hai tay bái sư nhập môn “Sư Di trường kỹ dĩ chế Di” (học Tây để chống Tây). Đại Nam và đế chế Xiêm (Thái) cũng vậy.

Trung Quốc sau khoảng 100 năm, kể từ khi nhà cách mạng dân tộc vĩ đại Tôn Trung Sơn viết lên dòng chữ cảnh tỉnh dân tộc Trung Hoa “Triều sống thế giới cuốn cuộn dâng, thuận dòng thì sống, nghịch dòng thì chết” [12] đã nhận rõ nhu cầu hội nhập. Người Trung Quốc qua quá trình đấu tranh đã ngộ ra nhiều điều. Trung Quốc có một truyền thống văn hoá quá đồ sộ, vĩ đại, nhưng Trung Quốc truyền thống cũng có gánh nặng tạo nên sức ỳ lịch sử. Trung Quốc “dị ứng” với việc “thiên triều” nhận kém thua, dù đó là một sự thực hiển nhiên. (Bá Dương trong tác phẩm “Người Trung Quốc xấu xa” và nhiều tác phẩm khác cũng đã nhận ra tính sĩ diện của người Trung Quốc). Biết bao nhiêu câu chuyện lịch sử Trung Hoa đã minh chứng điều này.

Sau hơn 100 năm (kể từ Chiến tranh Nha phiến năm 1840 đến 1949), sau khi Trung Quốc được giải phóng 30 năm (từ 1949 - 1978) và sau cải cách mở cửa 15 năm, Trung Quốc mới nhận ra mình cần phải gia nhập vào dòng chảy thế giới. Quá trình Trung Quốc gia nhập WTO phải qua nhiều vòng đàm phán gay gắt. Quá trình nhận thức, phấn đấu gia nhập WTO đã minh chứng quy luật vận động của con người phát triển lịch sử. Trung Quốc “đã chọn gia nhập một tổ chức mang tính toàn cầu, dựa trên luật định và lấy việc gia tăng sự thịnh vượng là sứ mệnh trung tâm của mình” [11].

Nghiên cứu liên hệ sự kiện trên, chúng ta có một cái nhìn xuyên dòng lịch sử, nó sẽ cho

ta sự lý giải một cách thuyết phục nhiều sự kiện đã và đang xuất hiện, phản ánh bản chất quy luật phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển quy luật lịch sử, kinh tế - xã hội không tùy thuộc vào ý muốn cá nhân. Nó tuân theo một quy luật bất biến là: con người sáng tạo ra lịch sử nhưng phải dựa trên những tiền đề, điều kiện lịch sử, vật chất nhất định, nó phải tuân theo quy luật “chúng ta tự sáng tạo ra lịch sử của chúng ta, nhưng là sáng tạo với những tiền đề và trong điều kiện hết sức xác định. Trong những tiền đề và điều kiện đó, điều kiện kinh tế là tối hậu quyết định” [7, tr.595] như Ăngghen đã chỉ rõ.

Phong trào Duy tân, phong trào cải cách mở cửa, phong trào đổi mới hôm nay chính là phản ánh khát vọng chuyển mình hội lưu thời đại của các quốc gia châu Á.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, giai cấp phong kiến với chế độ phong kiến bảo thủ, lỗi thời đã làm cho các quốc gia châu Á đặc biệt là Đông Nam Á không thể nào giữ được độc lập. Châu Á rơi vào tình trạng bị chiến tranh xâm lược, xâu xé liên miên.

Nếu sự xâm lược thống trị của đế quốc phương Tây tàn phá xã hội cổ truyền châu Á là kết quả tất yếu thì việc cây lên xã hội châu Á một mầm sống của xã hội phương Tây cũng là kết quả quy luật. Công cuộc khai thác bóc lột của chủ nghĩa thực dân dù tàn bạo, “đầy máu bùn, nghèo nàn và xỉ nhục” [7, tập I, tr.430] đến đâu thì châu Á dưới tác động lực đẩy của chủ nghĩa tư bản đế quốc vẫn phát triển theo quy luật bất biến: phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phải thay thế phương thức sản xuất phong kiến.

Bản chất của phong trào Duy tân cải cách ở các quốc gia châu Á là phong trào phản ánh khát vọng chuyển mình hội lưu thời đại. Nó tuyệt nhiên không phải là ý muốn của các ông

chủ thực dân phương Tây. Ngay việc Nhật Bản, Thái Lan tiến hành cải cách Duy tân thành công từ cuối những năm 50 của thế kỷ XIX cũng đâu phải là kết quả mong muốn của các đế quốc tư bản, được các quốc gia tư bản giúp đỡ. Trên thế giới, thị trường để tranh giành còn quá lớn, đất đai châu Á còn nhiều khoảng trống. Thời kỳ này, các quốc gia tư bản cũng còn nhiều hạn chế, chưa đủ sức mạnh khổng lồ để toàn bộ thế giới nên đó chính là thời cơ cho cuộc cải cách của Nhật Bản, Xiêm (Thái) thành công. Còn sau đó, những tư tưởng Duy tân cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu (Trung Quốc) và Hôxê Rídan (Philippin) vào những năm 80 - 90 của thế kỷ XIX cũng không thể nào thực thi được. Và những tư tưởng cải cách Duy tân chỉ còn như một tư trào sinh ra và lớn lên trên những mầm xã hội mới vừa được cấy lên. Chủ nghĩa tư bản thực dân phương Tây đã đẩy nhanh quá trình biến đổi xã hội châu Á nhưng công cuộc Duy tân, khát vọng phát triển của các quốc gia này có thể thực thi được hay không còn tùy thuộc vào nội lực và điều kiện thời cơ của mỗi quan hệ quốc tế lúc đó. Nhật Bản, Xiêm (Thái) đã thành công với công cuộc Duy tân cải cách đồng niên đại là có thể lý giải: Minh Trị Duy tân (1868-1912), Chulalongkorn (1868 - 1910).

## 2: Duy tân cải cách - khát vọng cận đại hoá ở châu Á

Cận đại hoá là các từ mà nhiều nhà lịch sử đã và đang dùng để chỉ phong trào hiện đại hoá thời cận đại. (*Modernization in the course of the modern history*) và cụm từ cận đại hoá thực ra cũng chỉ là mang nội dung hiện đại hoá thời kì cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc cho rằng phạm trù cận đại hoá đã tác động vào xã hội phong kiến bảo thủ, trì trệ của phương Đông gồm 3 nội dung chính:

1) Chế độ dân chủ chính trị của giai cấp tư sản.

2) Sản xuất xã hội hoá. Tính xã hội của nền sản xuất do sản xuất công nghiệp đem đến.

3) Kinh tế hàng hoá phát triển và do đó vai trò của thương nghiệp được nhận thức đúng tầm quan trọng của nó khác với thời phong kiến. [6, tr.57]

Như ta đã biết, trong phong trào Duy tân giữa thế kỷ XIX, Nhật Bản, Xiêm (Thái) đã nhận thức và thực thi một cách thành công ở nhiệm vụ “phủ quốc, cường binh” và đặc biệt là “tự cường tạo phú”, giữ được độc lập. Duy tân cải cách trở thành một xu hướng, một dòng chảy theo quy luật lịch sử. Với những nhân tố mới nảy sinh qua các cuộc thống trị, khai thác thuộc địa, sự thức tỉnh dân tộc, cải cách Duy tân - mà lịch sử gọi là thức tỉnh cải lương - nhằm mục đích “phủ quốc cường binh”, “tự cường tạo phú” ở các quốc gia Việt Nam, Philippines, Indonesia với các phong trào Đông kinh nghĩa thực, Đông du, phong trào Budi Utomo ( Lương tri xã), phong trào Liên minh Philippines vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã phát triển [9].

Tính chất chung của phong trào Duy tân là yêu nước, mong đất nước, dân tộc phú cường, độc lập. Duy tân cải cách với mục đích là cận đại hoá dù cho tùy theo điều kiện lịch sử xã hội, cấp độ yêu cầu cận đại hoá có khác nhưng mục tiêu đều tuân theo quy luật lịch sử phát triển.

Ngày nay, khi chúng ta đang tiến hành đổi mới, cải cách mở cửa để phát triển, ta mới càng hiểu bản chất của Duy tân, cải lương là cận đại hoá, là sự bắt kịp bước đi, hội nhập vào dòng chảy phát triển của nhân loại. Một dân tộc muốn tồn tại và phát triển phải biết học, biết tiếp thu cái hay của các dân tộc, quốc gia khác. Học phương Tây trở thành một hiện tượng chung của các quốc gia châu Á thời kì cận đại.

Quy luật cạnh tranh, đào thải không cho phép các dân tộc kiêu căng, tự cô lập, không biết nhận thức tìm lối thoát.

**Nhật Bản** là một quốc gia có những điều kiện lịch sử xã hội và tổ chức dân tộc. Do đó, với hành trang tạm vừa đủ, Nhật Bản đã bước vào cuộc cải cách Duy tân một cách thành công. Nhật Bản học phương Tây đã tiến hành:

1. Cuộc cải cách thể chế vừa đủ nạp vào những yếu tố dân chủ thực thi cải cách.

Nhật Bản đã cải cách hành chính đến tỉnh, huyện tạo nên một hệ thống quyền lực quản lí mới, có hiệu quả.

Nhật Bản đã có một hiến pháp (năm 1889) cho cơ chế cải cách lúc bấy giờ. Xoá bỏ đẳng cấp, thống nhất hành chính, Nhật Bản đã tiến hành cải cách dân chủ trong khuôn khổ quyền lực của vương triều Thiên hoàng. Ta xem lời tuyên thệ của Thiên hoàng Minh Trị ngày 6 - 4 - 1868 sẽ thấy rõ sự đổi thay về quan điểm tổ chức quản lí để phát triển nước Nhật theo con đường Duy tân cải cách.

" a) Quốc hội phải do dân chủ và theo công luận quyết định việc nước.

b) Trên dưới đồng lòng lo việc nước.

c) Từ quan chức văn võ đến nhân dân đều phải theo đuổi chí nguyện để trong nước không còn mối bất mãn.

d) Phá bỏ những tập quán xấu, giải quyết công việc theo pháp luật.

e) Tiếp thu tri thức trên thế giới để chấn hưng sự nghiệp của hoàng triều"[8, tr.73].

2. Nhật Bản tiến hành học tập bên ngoài, phát triển công nghiệp, đưa nền sản xuất vào guồng sản xuất có tính xã hội. Minh Trị Duy tân đã bắt đầu học hỏi xây dựng một nền sản xuất công nghiệp cận đại với việc luyện gang, khai mỏ, đóng tàu, mở mang giao thông, thành lập các ngân hàng, bưu điện v.v...

Chỉ trong vòng hơn 20 năm cuối thế kỷ XIX, Nhật Bản đã chuyển mình mạnh mẽ và đã tiến vào cuộc cạnh tranh thị trường.

a) Nhật Bản đã phát triển một cách khá đồng bộ những ngành kinh tế công thương nghiệp và tiền tệ ngân hàng, chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh thị trường tư bản khá toàn diện.

b) Nhật Bản chú ý công nghiệp nặng, các công ty công nghiệp như Mitsui, Mitsubishi nắm công nghiệp sắt thép, đóng tàu, giao thông. Các ngành công nghiệp nhẹ như dệt, đồ sứ, chè, giấy v.v... cũng phát triển. Công nghiệp quân sự được đặc biệt chú ý.

Cả guồng máy kinh tế và nền sản xuất trong quá trình Duy tân đã hướng tới một nền sản xuất xã hội hoá.

3) Vấn đề tư tưởng và kế hoạch thực thi xây dựng một nền kinh tế hàng hoá phát triển đã tạo nên quan niệm mới, bền vững về phát triển thương nghiệp. Có lẽ Nhật Bản là một nước có nhận thức sản xuất hàng hoá và trao đổi hàng hoá sớm nhất ở châu Á. Từ thế kỷ XVIII, tư tưởng học thuyết "thị dân" Chonin Gaku của Ishida Baigan (1685-1744) đã xuất hiện và có ảnh hưởng lớn. Khi bước vào cận đại hóa, Nhật Bản đã hình thành thị trường nội địa thống nhất, phát triển nhanh và vươn ra thế giới một cách có ý thức.

Nhật Bản Duy tân cải cách đồng bộ và thực chất, nó tuân theo những yêu cầu của công cuộc cận đại hoá, phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cuối thế kỷ XIX, Nhật Bản đã thành đối lực cạnh tranh và chiếm vị trí mạnh ở thị trường Đông Bắc Á, Trung Quốc, Triều Tiên và lan sang Đông Nam Á.

**Trường hợp Xiêm (Thái)** là một nước ít phát triển hơn Nhật, những tiến đề cho một cuộc chuyển mình hội lưu thời đại có lẽ còn có khá nhiều bất cập. Nhưng như ta biết, Xiêm đã chớp thời cơ một cách thành công. Có thể nói,

nhận thức của guồng máy chính trị Xiêm đã có cái nhìn đúng về vị thế, thời cơ và con đường đi không ngoan phát triển tự thân của mình. Vào giữa thế kỷ XIX, thời kì Rama IV Môngkut (làm vua từ 1851 đến 1868) đã có cách nhìn sáng suốt, chủ động mở cửa, dùng chính sách sử dụng các đối thủ để quốc để kiềm chế lẫn nhau và chia lực để dễ dàng đối phó. Xiêm cũng đã kí những hiệp ước nhượng bộ quyền lợi để hướng về những quyền lợi cơ bản của dân tộc. Và ta thấy những điều kiện này rất giống với những đề nghị trong các bản tấu, diếu trần của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch của Việt Nam: "Khi đất nước không thể giữ hoàn toàn thì phải bỏ biện bị để giữ căn bản...Thế nước ta (Việt Nam) ngày nay cái đã mất thì khó bề lấy lại, cái chưa mất hãy còn có thể tồn tại được" [1, tr.36].

Xiêm tiến hành cải cách vào thời Chulalongkorn 1868 - 1910. Xiêm đã tiến hành chính sách xoá bỏ nô lệ, giải phóng sức sản xuất, chính sách ruộng đất kinh doanh quản lí theo thuế định mức và tập trung vào khả năng khai thác thị trường lúa gạo. Xiêm đã lợi dụng công nghiệp tiên tiến để xây dựng nhiều nhà máy công nghiệp xay xát. Nông phẩm lúa gạo trở thành hàng hoá mà là hàng hoá thị trường trong nước nối với thế giới. Ngày nay, Thái Lan vẫn là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và gạo Thái vẫn có giá nhất. Đó là do Xiêm (Thái) đã có một truyền thống công nghiệp kinh doanh sản xuất gạo.

Phải nói Xiêm từ rất sớm đã nhận ra nguy cơ yếu kém của dân tộc và đã bắt đầu học hỏi kỹ thuật của phương Tây. Năm 1607, Xiêm đã cử sứ đoàn đến Hà Lan học kỹ thuật xây đập nước và đóng tàu. Vấn đề thuỷ lợi, vấn đề giao thông vận tải biển được chú ý một cách có ý thức. Năm 1680, 1684, 1686 phái bộ ngoại giao của Xiêm đi Pháp xem xét, học hỏi và tạo những quan hệ ngoại giao cần thiết cho bước

đường xử lí chính sách cân bằng thế lực giữa Pháp và Anh sau này. Rama IV là ông vua thông thạo tiếng Pali, học tiếng Anh với giáo sư Mỹ, tiếng Latinh với giáo sư Pháp, ngoài ra còn tiếp xúc với các môn khoa học khác.

Tất cả như đã được chuẩn bị. Năm 1851, khi lên ngôi vàng, Rama IV đã là một người có tầm nhìn sắc sảo đối với các vấn đề dân tộc, khu vực và thời đại. Rama IV đã thực thi chính sách mở cửa, chủ động quan với thế giới bên ngoài. Phó vương Itsarath, người em tin cẩn của Rama IV, là trợ thủ đắc lực cho cải cách và chính sách đối ngoại. Phó vương Itsarath là một người rất hiểu phương Tây và rất ngưỡng mộ Tổng thống Hoa kỳ Washington.

Rama V là Chulalongkorn được tiếp thu văn hoá và tư tưởng tiến bộ từ vua cha Rama IV. Ông hiểu văn hoá dân tộc Thái, hiểu văn minh phương Đông sâu đậm và có tri thức Tây học. Xung quanh Chulalongkorn còn cả một hàng ngũ đại thần rất có tri thức dân tộc và hiểu biết văn minh phương Tây, những người này đều nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong công cuộc cải cách. Bản thân Chulalongkorn đã đích thân đi xem xét các quốc gia, các thành phố như Singapore, Ấn Độ, Indonesia, Nga, Pháp v.v... Ở đây, chúng ta cũng có thể nhận thức được vai trò cá nhân trong lịch sử, trong những bước ngoặt chuyển mình của dân tộc có tác dụng không nhỏ. Phép biện chứng của nhận thức "thời thế tạo anh hùng, anh hùng tạo thời thế" như mối liên quan tương hỗ, hữu cơ, có thể giúp ta lí giải đúng sự kiện lịch sử của Xiêm (Thái) gắn với vị vua tài ba Chulalongkorn.

Công cuộc Duy tân của Xiêm (Thái) là một điển hình về trí tuệ của những người cải cách sáng suốt, biết nắm thời cơ, có những chính sách kinh tế, ngoại giao dần dần chủ hoá nền thống trị, xã hội hoá sản xuất và phát triển hàng hoá thương nghiệp tạo nên mạch sống hồi

sinh cho đất nước. Qua câu nói của Rama IV Môngkut trong công lệnh gửi đại sứ Xiêm ở Paris là Paia Xiri Vôngxê Vaiyabatadana năm 1867, một năm trước khi ông từ trần, ta sẽ rõ:

“Một quốc gia nhỏ bé như nước ta có thể làm gì, khi mà từ hai mặt hoặc từ ba phía bị bao vây bởi các quốc gia hùng mạnh? Cứ giả sử rằng, chúng ta phát hiện ở nước ta một mỏ vàng có thể chúng ta hàng triệu kara vàng, cho phép chúng ta có thể mua được hàng trăm tàu chiến. Nhưng cả với số vàng như vậy, chúng ta cũng không thể đấu tranh chống lại họ, chừng nào chính chúng ta phải mua của họ những tàu chiến ấy và những trang thiết bị ấy. Trong lúc này, chúng ta chưa có khả năng tự sản xuất được những thứ đó. Và nếu, thậm chí chúng ta đủ tiền để mua vũ khí thì các nước phương Tây vào bất kì lúc nào cũng có thể ngưng bán những vũ khí đó, chỉ bởi họ hiểu rằng chúng ta vũ trang là để chống lại họ.

Vũ khí duy nhất mà chúng ta có và có thể áp dụng trong tương lai đó là những cái lưới - lời nói và trái tim của chúng ta thực hiện những tư tưởng lãnh mạnh và sáng suốt. Chỉ có chúng mới bảo vệ được chúng ta [10]”.

Từ những lời nói trên ta có thể rút ra được hai điều:

1. Phải học phương Tây, học kỹ thuật và giành lấy thế tự phú, tự cường trong kinh tế, sản xuất, trong khoa học kỹ thuật. Đó sẽ là yếu tố quyết định có tính chủ động, tạo nên hiệu quả.

2. Phải khôn ngoan sáng suốt tạo thế an bình để tồn tại cải cách, tiến kịp hội lưu thời đại.

Những lời trên của Rama IV như những lời tâm huyết dặn dò đối với Chulalongkorn - Rama V - và các quần thần Xiêm (Thái) đang nắm giữ vận mệnh đất nước trước lúc chết.

Chulalongkorn đã nhận thức được điều mà vua cha gửi lại và sau đó đã tuyên cáo: “Đức vua nhận thức rõ rằng, nếu nước Xiêm muốn duy trì được nền độc lập của mình thì dù muốn hay không, phải chấn chỉnh đất nước theo các quan niệm đang chiếm ưu thế ở châu Âu hay ít nhất cũng phải tỏ ra là đang làm như thế” [2, tr.968].

Với Trung Quốc. Nhận thức ra yêu cầu cần học tập phương Tây để biến đổi được bất đãi từ cuộc đọ sức trong cuộc chiến tranh Thuộc phiên (1839-1842). Trong cuộc chiến tranh này, người Trung Quốc trong tiếng gấm của đại bác và sức mạnh tốc độ của tàu chiến đã nhận ra cái sở đoản của mình. Ngạo mạn, không hiểu biết gì về “Đương đi”, họ bắt đầu tự Ngụy Nguyên (1794 -1856) với “Hải quốc đồ chí” và Từ Kế Dư (1795-1873) với “Doanh hoàn chí lược” tìm hiểu thế giới rộng lớn, thế giới phương Tây mà Trung Quốc phải đối đầu.

Cuộc tìm hiểu phương Tây để phú quốc cường binh và giữ gìn độc lập của Trung Quốc phải mất nửa thế kỷ mới đến được nhận thức tương đối đầy đủ về Duy tân cải cách, về cận đại hoá.

Trong công cuộc Dương vụ từ những năm 60 đến những năm 90 của thế kỷ XIX, Trung Quốc phong kiến bảo thủ và nhất là vì quyền lợi của phong kiến quý tộc đã mong muốn chỉ thay đổi bằng “tàu Tây, súng Tây” còn vẫn mủ mào, dai dẳng, phong kiến Thiên triều cũng có thể đánh bại phương Tây. Học tập phương Tây về kỹ thuật trước tiên là súng ống, tàu bè. Phong kiến Trung Quốc cũng muốn chạy đua với Nhật Bản và muốn tìm câu trả lời riêng cho thuật phú quốc cường binh của mình. Các cục chế tạo vũ khí ở Giang Nam, các xưởng sửa chữa, đóng tàu ở Thượng Hải, Phúc Kiến như những lâu đài áp ủ mộng tự cường Đại Hán của Lý Hồng Chương, Tăng Quốc Phiên. Nhưng

trong cuộc dọ sức ở eo biển Triều Tiên, toàn bộ công lao "Dương vụ" của Trung Quốc đã bị nhấn chìm. Trung Quốc đã nhận thức ra bài học Duy tân cải cách cận đại hoá của mình còn phiến diện, ít hiệu quả. Tất nhiên, thất bại đó là vì nhiều lý do, trong đó có nguyên nhân nhận thức, chính sách thực thi và tương quan về lực lượng.

Những chí sĩ Duy tân hàng đầu của Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và một đội ngũ trí thức thức thời, tiên tiến đã quay sang học tập Nhật Bản và coi đó là người thầy gần nhất, có phương pháp học tập phương Tây hiệu quả nhất. Họ đã tiến hành công cuộc Duy tân vào năm 1898 với mô hình phỏng theo Nhật, cũng muốn tập trung quyền lực và dựa vào một ông vua giống như Minh Trị là Quang Tự. Họ cũng muốn ban các đạo dụ cải cách, thậm chí cả hình thức muốn di chuyển thủ đô về Thượng Hải để tạo nên một cách nhìn mới [5, tr.232-261]. Nhưng cơ sở quyền lực và điều kiện thực thi Duy tân ở Nhật Bản và Trung Quốc hoàn toàn khác về chất. 103 ngày Duy tân Mậu Tuất (1898) do đó đã thất bại, một số chí sĩ Duy tân bị xử tử.

Dù vậy, Duy tân Mậu Tuất vẫn là kết quả của một quá trình lớn lên của những tác nhân mầm xã hội phương Tây được cấy lên xã hội Trung Hoa. Những yếu tố công nghiệp, thương nghiệp có cơ hội phát triển, những nhận thức mới về nền sản xuất xã hội hoá phát triển theo xu thế quy luật không cưỡng nổi. Vấn đề "thương công" và "trọng thương" như một đồng tư tưởng cách mạng trong quan niệm của xã hội phương Đông, xã hội Trung Hoa Nho giáo nông nghiệp vốn bị chi phối bởi quan niệm "đĩ công vi bản".

Công cuộc cận đại hoá ở Trung Quốc với cả ba nội dung: dân chủ hoá thể chế, xã hội hoá sản xuất, phát triển kinh tế hàng hoá và thương

ngiệp, quan niệm coi trọng thương nghiệp như khẳng định quy luật tất yếu của lịch sử kinh tế dù có bao nhiêu hạn chế vẫn tiếp theo một xu hướng ngoài ý chí cá nhân.

Ở Việt Nam, Duy tân cải cách như một đồng tư tưởng nhận thức từ những năm 60 của thế kỷ XIX. Nhưng có lẽ Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch và các nhân vật trí thức Duy tân chỉ như những con người nhận biết thời đại, thấy được tầm nhìn đi tới của dân tộc. Nếu đọc những tập đi cảo của Nguyễn Trường Tộ, "Thời vụ sách" của Nguyễn Lộ Trạch, ta thấy tư tưởng Duy tân như một nhận thức loé sáng trước thời cuộc. Những nhà tư tưởng Duy tân đau đầu một nỗi niềm yêu nước, muốn góp lực, muốn thực thi kế sách giữ nước, Duy tân tự cường nhưng họ lại đứng trước một xã hội còn thiếu bao cơ sở thực thi. Hơn nữa, guồng máy chính trị cũng thiếu những con người biết nhận ra cái hay của kế sách tìm cách chuyển mình năng động hội lưu như Chulalongkorn.

Con người có khả năng tạo nên thời cơ và thúc đẩy sự vật phát triển một cách năng động theo quy luật.

Công cuộc chinh phục khai thác thực dân vào cuối thế kỷ XIX đặc biệt vào những năm đầu thế kỷ XX đã tạo nên những cơ sở kinh tế - xã hội, tạo nên một sự thức tỉnh mới của dân tộc. Xu thế đó đã nảy sinh trên một mặt bằng hầu như tại nhiều nước bị nô dịch của châu Á. Philippin với Liên minh Philippin và nhà yêu nước cải lương Hose Rizal, Indonesia với tổ chức Budi Utomo, Việt Nam với Phan Châu Trinh, phong trào Đông kinh nghĩa thực, phong trào Đông du.

Những tư tưởng mới nảy sinh trên những tiền đề phát triển mới. Cận đại hoá như một xu thế con đẻ của sự phát triển xã hội của nhân tố tư bản chủ nghĩa. Nó tạo nên nhận thức Duy tân cải cách.

Các dân tộc quốc gia châu Á đã qua một thời kỳ khát vọng hội lưu thời đại. Cận đại hoá như mục tiêu nhận thức của xu thế "học tập phương Tây, bắt kịp phương Tây và mong muốn vượt phương Tây". Nhật Bản là quốc gia châu Á đã thực hiện được khát vọng đó. Thái Lan đã phần nào thành công, giữ được sự phát triển và độc lập của mình. Philippin, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc đã gian nan đi qua chặng đường hàng trăm năm. Bao nhiêu vấn đề hôm qua còn lại hôm nay và bao công việc các nhà Duy tân Trung Quốc, Việt Nam, Indonesia, Philippin đã từng sáng suốt đề cập mà chúng ta hôm nay mới bắt đầu.

Hai cuộc hội thảo quốc tế lớn ở Trung Quốc vào năm 1988 và 1998 có hàng trăm đại biểu quốc tế và Trung Quốc tham gia thảo luận, đánh giá về phong trào Duy tân cải cách Trung Quốc 1898. Họ đã đi đến nhận định:

công cuộc cải cách mở cửa hôm nay của Trung Quốc có bao điều như tiếp nối thực hiện khát vọng chuyển mình hội tụ thời đại của các nhà yêu nước Duy tân.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế, chúng ta gọi vốn đầu tư, phát triển công thương nghiệp, cải cách giáo dục nhằm tiến kịp các quốc gia, khu vực và thế giới. Bao nhiêu việc làm ngoảnh lại mà giạt mình khi đọc câu nói của Nguyễn Trường Tộ: "Bài tế cấp luận của tôi, nếu đem ra thực hành trăm năm cũng chưa hết. Thế mà bảy tám năm nay chưa thấy thực hành tí nào, chả lẽ *đợi đến trăm năm sau mới thực hành được sao* [1, tr392-393]?"

*Duy tân cải cách, Mở cửa cải cách, Đổi mới phát triển như một dòng chảy từ cận đại hoá đến hiện đại hoá hôm nay. Duy tân cải cách cuối thế kỷ XIX như khát vọng chuyển mình hội lưu thời đại của các quốc gia châu Á để tồn tại và phát triển.*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cán, *Nguyễn Trường Tộ di cáo*.
2. D. G. E Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 968.
3. Đào Minh Hồng, Luận án Tiến sỹ, *Chính sách đối ngoại của Xiêm (Thái Lan) cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*.
4. Nguyễn Văn Hồng, *Mấy vấn đề về lịch sử châu Á, lịch sử Việt Nam - Một cách nhìn*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2001.
5. Karl Marx, "The Rule Results of British Rule in India", Karl Marx and Frederich Engels, Vol I, Moscow, 1958, P353.
6. Mã Hồng Lâm, *Mậu Tuất Duy tân vận động nghiên cứu luận văn tập*, Mậu Tuất biến pháp dù Trung Quốc cận đại hoá, Quảng Đông, 1988.
7. *Mác - Ăngghen tuyển tập*, "Thư Ăngghen gửi G. Bôlôso", NXB Sự thật, Hà Nội, 1971.
8. Nguyễn Khắc Ngữ, *Việt Bản Duy tân dưới thời Minh Trị Thiên hoàng*, NXB Trình bày, Sài Gòn, 1969.
9. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
10. Lê Văn Quang, *Báo cáo Hội thảo Nhật Bản trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á - Kỳ yếu Hội thảo khoa học thành phố Hồ Chí Minh 2/2003*.
11. Supachai, Panitchpakdi, Mark. L. Clifford, *Trung Quốc và WTO - Trung Quốc đang thay đổi thương mại thế giới*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2002.
12. *Tôn Trung Sơn tuyển tập*, (tiếng Trung), Tập I, Nhân dân xuất bản xã, Bắc Kinh, 1962.



THE REFORMATION MOVEMENTS IN ASIA WITH THEIR ASPIRATION OF  
CHANGING TO INTEGRATE INTO THE NEW ERA**Assoc. Prof. Nguyen Van Hong***Department of Oriental Studies**College of Social Sciences and Humanities - VNU*

The target of this project is to justify that the Reformation Movement in Asia in the second half of the 19<sup>th</sup> Century and the first half of 20<sup>th</sup> Century derived from the patriotic movements in Asia with the aspiration of integrating into the new era throughout examining some Reformation Movements in Asia, especially in Japan, Siam (Thailand), China, Sun Zhon Shan, The Chinese revolutionary nationnalist declared that : *' The typhoon of times is rising everywhere, following it is the only way to survive, otherwise you will die''*. Sun - Zhong Shan, *Selected Collection*, Vol. 1. Peoplé s Publisher, 1962

The content of the Asian Reformation Movements is how to implement the modernization, making the East to catch up with the West, developing capitalist economy : democratizing society ; socializing production ; building up and developing commodity economy ; attaching much more importance to the role of commerce.

The content of these Reformation Movements related to many contemporary issues. Therefore, the development of economy in China and Vietnam today is said to continue the Reformation Movements initiated in Asia by the end of 19<sup>th</sup> Century and at the beginning of 20<sup>th</sup> Century.